TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 01 - 2018
V/v tranh chấp "Hôn nhân gia đình - **Xin ly hôn**"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn C** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đình P**

2. Ông **Võ Thái Q**

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Ông **Bùi Văn Tr** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa***: Ông **Lê Hữu Đ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 316/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp "*Hôn nhân gia đình - Xin ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ 03, ấp Bình T. 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Thất T**, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 02, ấp Bình T. 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị D có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Căn cứ đơn khởi kiện, qua thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Vào năm 1997, chị và anh Trần Thất T tự tìm hiểu quen biết trước, sau đó được cha mẹ hai bên đồng ý, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, cảm thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn, ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thất T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Th, sinh ngày 08/12/1997 đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: không có

- Bị đơn anh Trần Thất T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh T được tống đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần từ khi thụ lý đến khi xét xử, nhưng anh vắng mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị D và anh T được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, cha mẹ hai bên đều đồng ý, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị D về xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung và tài sản, anh chị đã thỏa thuận được do đó đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh không có mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh theo Điều 227, Bộ Luật tố tụng dân sự, hiện tại anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 02, ấp Bình T. 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Nên chị D khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 1997 trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, cha mẹ hai bên đồng ý, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ khi có mâu thuẩn xảy ra, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi và mâu thuẩn giữa anh T, chị D ngày càng trầm trọng và chính thức ly thân từ năm 2004 đến nay, thời gian ly thân anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp lời trình bày của ông Nguyễn Văn B (anh ruột của chị D) và bà Nguyễn Thị Bé H (mẹ nuôi của anh T) nên chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Th, sinh ngày 08/12/1997 đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị D và anh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3]Về án phí: Chị D là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật, anh T không phải chịu án phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Trần Thất T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Thất T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Th, sinh ngày 08/12/1997 đã trưởng thành và tự lập được nên không đề cập xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016308 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, anh Trần Thất T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T được quyền kháng cáo kể từ khi tống đạt, niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-Chi cục THADS huyện PT;
-VKSND huyện PT;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Bùi Văn C